

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2025/QĐST-DS

Thanh Bình, ngày 06 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 270/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Châu A, sinh năm: 1952.

Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1957.

Cùng địa chỉ: Khóm C, thị trấn D, huyện F, Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Phạm Thị So E, sinh năm: 1970.

Ông Lê Văn B, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Khóm C, thị trấn D, huyện F, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn D, huyện F, Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị So E có trách nhiệm cá nhân trả lại cho bà Đinh Thị Châu A số tiền còn nợ 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Bà Phạm Thị So E có trách nhiệm cá nhân trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ 5.500.000.000 đồng (*Năm tỷ năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Châu A đối với ông Lê Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn B có trách nhiệm liên đới với bà Phạm Thị So E trả lại số tiền nợ là 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*), do bà Châu A tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn B.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Lê Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn B có trách nhiệm liên đới với bà Phạm Thị So E trả lại số tiền nợ là 5.500.000.000đ (*Năm tỷ năm trăm triệu đồng*) do bà Kim H tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn B.

Về án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Phạm Thị So E thống nhất tự nguyện chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ của bà Đinh Thị Châu A với số tiền là: 14.250.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Phạm Thị So E thống nhất tự nguyện chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Văn T là: 28.375.000 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Đinh Thị Châu A thống nhất tự nguyện chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.250.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng bà Châu A là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí ngày 25/10/2024, theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn toàn số tiền án án phí dân sự sơ thẩm nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Huỳnh Văn T thống nhất tự nguyện chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 28.375.000 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) nhưng bà Kim H và ông Tâm là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí ngày 25/10/2024, theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên được miễn toàn số tiền án án phí dân sự sơ thẩm nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Anh Thư